

Bản án số: 460/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;
2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 630/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trần Công T**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: USA.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2017 và trong quá trình tố tụng, bà Đặng Thị M - nguyên đơn trình bày:

Năm 1987, bà và ông Trần Công T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 052, quyển số 01/87 ngày 16/10/1987).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được do khác biệt về tính cách, lối sống, quan điểm sống. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Công K, sinh năm: 1988 và Trần Thị Nhật H, sinh năm: 1991 (đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Công T trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà Đặng Thị M về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Mến.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là Trần Công K, sinh năm: 1988 và Trần Thị Nhật H, sinh năm: 1991 (đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị M và ông Trần Công T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 052, quyền số 01/87 ngày 16/10/1987 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị M và ông Trần Công T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Đặng Thị M và ông Trần Công T thì trong thời gian chung sống cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, ông T đã sang Hoa Kỳ để sinh sống. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà M yêu cầu được ly hôn và phía ông T cũng đồng ý, đây là yêu cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Đặng Thị M và ông Trần Công T có 02 con chung là Trần Công K, sinh năm: 1988 và Trần Thị Nhật H, sinh năm: 1991 (đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị M và ông Trần Công T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị M phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị M được ly hôn với ông Trần Công T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 052, quyển số 01/87 ngày 16/10/1987 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Đặng Thị M và ông Trần Công T có 02 con chung là Trần Công K, sinh năm: 1988 và Trần Thị Nhật H, sinh năm: 1991 (đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị M chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0048861 ngày 13/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Đặng Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Trần Công T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND P6, Q8 TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

